

**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH -
CÔNG TY CP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025



Tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	7 - 10
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	12 - 13
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	14 - 59

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP (sau đây được gọi là “Tổng Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Viết Thảo	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17/11/2025
Ông Nguyễn Đình Toàn	Chủ tịch	Nghỉ chế độ từ ngày 02/10/2025
Ông Lê Viết Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 17/11/2025
Ông Võ Văn Lưu	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Thắng	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Ông Phùng Văn Tân	Trưởng Ban
Ông Đào Anh Dũng	Thành viên
Bà Trần Thị Thanh Vân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Anh Thắng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17/11/2025
Ông Lê Viết Thảo	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/11/2025
Ông Võ Văn Lưu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Anh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 17/11/2025

Kế toán trưởng của Tổng Công ty là Ông Bùi Văn Minh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là Ông Nguyễn Anh Thắng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán, thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Anh Thắng
Tổng Giám đốc

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Số: 380/2026/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 26 tháng 03 năm 2026, từ trang 07 đến trang 59 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả một số chỉ tiêu tài chính của một số công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của các công ty con này. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của các công ty con này vẫn được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục và không ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 do Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban Giám đốc các công ty con tin tưởng rằng các công ty này có thể tiếp tục triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, cân đối được dòng tiền thanh toán các khoản nợ khi đến hạn để đảm bảo khả năng hoạt động liên tục của các công ty trong 12 tháng tiếp theo cũng như Tổng Công ty đang xây dựng phương án để thực hiện thoái vốn tại các công ty sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài.

Vấn đề cần nhấn mạnh trên không làm ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Bùi Minh Đức

Giám đốc kiểm toán

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2026-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Trần Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4051-2022-112-1

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		786.552.416.124	712.352.645.759
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	23.430.279.308	99.902.019.376
Tiền	111		23.430.279.308	78.432.146.314
Các khoản tương đương tiền	112		-	21.469.873.062
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	357.161.531.507	169.265.014.331
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6.1	357.161.531.507	169.265.014.331
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		98.331.484.809	144.813.095.281
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	119.139.554.765	146.591.458.041
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	16.259.606.494	17.262.863.764
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	9.890.846.973	25.755.341.976
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(46.958.523.423)	(44.796.568.500)
Hàng tồn kho	140	11	272.203.156.253	262.329.769.588
Hàng tồn kho	141		272.203.156.253	262.375.278.678
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(45.509.090)
Tài sản ngắn hạn khác	150		35.425.964.247	36.042.747.183
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	33.688.784.533	22.176.035.504
Thuế GTGT được khấu trừ	152		61.155.363	11.936.997.730
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	1.676.024.351	1.929.713.949

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.018.851.132.126	1.394.275.984.204
Các khoản phải thu dài hạn	210		187.500.000	6.131.807.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	187.500.000	6.131.807.000
Tài sản cố định	220		221.326.020.539	582.912.414.243
Tài sản cố định hữu hình	221	13	209.151.659.080	576.690.193.808
- Nguyên giá	222		754.796.931.904	1.539.149.041.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(545.645.272.824)	(962.458.847.532)
Tài sản cố định vô hình	227	14	12.174.361.459	6.222.220.435
- Nguyên giá	228		30.124.285.691	22.827.392.247
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(17.949.924.232)	(16.605.171.812)
Bất động sản đầu tư	230	15	67.335.753.237	69.473.109.609
- Nguyên giá	231		85.494.254.799	85.494.254.799
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(18.158.501.562)	(16.021.145.190)
Tài sản dở dang dài hạn	240	16	8.109.666.923	411.000.849.332
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		8.109.666.923	411.000.849.332
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	649.125.360.824	253.716.706.364
Đầu tư vào công ty liên kết	252	6.2	404.474.205.342	8.954.652.739
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	6.3	247.439.088.500	247.439.088.500
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.787.933.018)	(2.677.034.875)
Tài sản dài hạn khác	260		72.766.830.603	71.041.097.656
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	72.766.830.603	71.041.097.656
TỔNG TÀI SẢN	270		1.805.403.548.250	2.106.628.629.963

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		394.337.408.010	866.038.756.157
Nợ ngắn hạn	310		357.838.926.833	552.551.306.672
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	132.846.573.748	215.247.787.355
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.643.757.001	19.879.501.919
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	9.282.942.087	7.216.721.582
Phải trả người lao động	314		26.261.689.421	35.059.566.911
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	27.006.346.886	28.617.403.775
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	2.885.169.732
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	38.100.799.350	106.344.401.576
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	100.653.149.069	124.631.165.664
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		10.043.669.271	12.669.588.158
Nợ dài hạn	330		36.498.481.177	313.487.449.485
Phải trả người bán dài hạn	331		78.927.000	78.927.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	5.338.626.695
Phải trả dài hạn khác	337	20	-	889.893.354
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	8.681.799.169	275.152.644.819
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		27.737.755.008	32.027.357.617

Mẫu số B01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
			VND	VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.411.066.140.240	1.240.589.873.806
Vốn chủ sở hữu	410	22	1.397.699.360.036	1.227.223.093.602
Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.041.846.423	4.041.846.423
Cổ phiếu quỹ	415		(40.728.290)	(40.728.290)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		5.687.474.230	(1.053.097.228)
Quỹ đầu tư phát triển	418		40.610.439.726	39.177.238.445
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		200.758.318.374	(69.195.967.156)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(83.820.723.415)	(115.958.144.073)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		284.579.041.789	46.762.176.917
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.506.094.955	153.157.886.790
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	23	13.366.780.204	13.366.780.204
Nguồn kinh phí	431		13.366.780.204	13.366.780.204
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.805.403.548.250	2.106.628.629.963

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Thành



Bùi Văn Minh



Nguyễn Anh Thắng

Mẫu số B02-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.422.108.967.215	1.463.678.448.009
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	3.710.373.160	2.757.840.099
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.418.398.594.055	1.460.920.607.910
Giá vốn hàng bán	11	26	1.195.315.323.322	1.251.427.379.618
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		223.083.270.733	209.493.228.292
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	24.798.001.049	26.806.071.938
Chi phí tài chính	22	28	32.508.318.422	16.629.467.050
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		24.290.958.142	13.726.347.259
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	1.481.941.247
Chi phí bán hàng	25	29	35.653.428.951	37.112.840.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	101.041.577.976	91.600.617.185
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.677.946.433	92.438.316.438
Thu nhập khác	31	31	1.809.840.999	7.433.392.050
Chi phí khác	32	32	7.140.450.284	1.655.239.619
Lợi nhuận khác	40		(5.330.609.285)	5.778.152.431
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.347.337.148	98.216.468.869
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	10.343.089.894	9.331.684.119
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	(4.289.602.609)	197.701.890
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.293.849.863	88.687.082.860
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		32.611.414.675	48.403.622.356
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		34.682.435.188	40.283.460.504
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	296	428
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	296	428

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Duy Thành

Bùi Văn Minh

Nguyễn Anh Thắng

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		73.347.337.148	98.216.468.869
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02		72.706.155.267	63.218.954.188
Các khoản dự phòng	03		2.227.343.976	(9.053.496.215)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.429.274.292	(5.525.133.861)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05		(29.584.508.095)	(20.661.507.255)
Chi phí lãi vay	06		24.290.958.142	13.726.347.259
Các điều chỉnh khác	07		-	(2.030.949.535)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		144.416.560.730	137.890.683.450
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		65.643.820.421	(20.137.765.407)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.827.877.575)	4.398.086.439
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		207.072.776.598	14.339.882.949
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(13.238.481.976)	(434.807.704)
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.479.567.663)	(14.717.503.719)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.466.948.647)	(11.935.182.955)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.812.275.819)	(9.553.977.635)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		361.308.006.069	99.849.415.418
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(128.055.542.388)	(37.749.922.637)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.209.922.000	442.192.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(737.000.000.000)	(114.738.976.143)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		448.641.954.180	83.528.153.270
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.950.947.001	20.816.393.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(388.252.719.207)	(47.702.160.237)

Mẫu số B03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		347.936.298.133	417.826.450.327
Tiền trả nợ gốc vay	34		(376.254.553.376)	(433.849.487.706)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.851.964.686)	(3.623.600.911)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(51.170.219.929)	(19.646.638.290)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(78.114.933.067)	32.500.616.891
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	99.902.019.376	67.080.047.701
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.643.192.999	321.354.784
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	23.430.279.308	99.902.019.376

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Duy Thành



Bùi Văn Minh



Nguyễn Anh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Mẫu số B09-DN/HN

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc tỉnh Hà Tĩnh được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1847/QĐ-TTg ngày 11/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3000310977 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh (nay là Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh) cấp lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2014, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19 tháng 11 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty hiện đặt tại: Số 2 đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.101.135.914.618 VND (Một nghìn một trăm linh một tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu, chín trăm mười bốn nghìn, sáu trăm mười tám đồng), vốn điều lệ thực góp đến 31/12/2025 là 1.101.135.914.816 VND tương đương 110.113.591 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên tại Văn phòng Tổng Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 124 người (tại ngày 31/12/2024 là: 135 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty:

Khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, chăn nuôi, dịch vụ cảng biển;

Các ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty bao gồm:

- Khai thác chế biến, kinh doanh các loại khoáng sản, quặng có chất phóng xạ;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất các sản phẩm gốm sứ; sản xuất xi măng, vôi, thạch cao; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Chăn nuôi trâu, bò, heo, hươu, gia cầm.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2025 bao gồm:

Công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	Xã Thiên Cẩm, Tỉnh Hà Tĩnh	75,00%	75,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng
2	Công ty Cổ phần Thương mại Mitracó	Số 2, đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	73,00%	73,00%	Kinh doanh thương mại tổng hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Công ty con:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	Xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh	50,95%	50,95%	Sản xuất kinh doanh quặng Mangan
4	Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	Xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	79,44%	79,44%	Kinh doanh vận tải và xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Việt Lào	Huyện Xebangfay, tỉnh Khammoun, nước CHDCND Lào	100%	100%	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thạch cao
6	Công ty Cổ phần Gạch gói Mitraco	Xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	60,00%	60,00%	Sản xuất kinh doanh gạch gói
7	Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	Xã Toàn Lưu, tỉnh Hà Tĩnh	51,28%	51,28%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
8	Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	60,64%	60,64%	Sản xuất kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm
9	Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	Xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh.	58,70%	58,70%	Sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn siêu nạc
10	Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	Xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	63,83%	63,83%	Xây lắp và thi công cơ khí
11	Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	Xã Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	91,85%	91,85%	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng
12	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco	Số 2 đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Xây lắp công trình
13	Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	Xã Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Sản xuất kinh doanh giống và vật tư nông nghiệp
14	Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	Phường Sông Trí, tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2025, Tổng Công ty có các công ty liên doanh và các công ty đầu tư khác bao gồm:

Công ty liên doanh, liên kết:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	Phường Hoành Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	26,67%	26,67%	Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng
2	Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Lào - Việt	Phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh	26,50%	26,50%	Dịch vụ cảng biển

Đầu tư vào đơn vị khác:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
1	Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 1, tỉnh Hà Tĩnh	19,75%	19,75%	Sản xuất truyền tải và phân phối điện;
2	Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	Đường Phan Đình Phùng, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	9,93%	9,93%	Khai thác quặng sắt; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn kim loại và quặng kim loại
3	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	1,08%	1,08%	Khai thác quặng sắt; quặng kim loại khác không chứa sắt; quặng kim loại quý hiếm
4	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng	Phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	10%	10%	Kinh doanh xăng dầu; cho thuê kho, cảng xăng dầu
5	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	Đường Trần Phú, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh	10%	10%	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
6	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	Phường Nam Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	1,25%	1,25%	Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu các loại sản phẩm sợi, dệt, nhuộm, may mặc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) trong năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu hợp nhất thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty và các công ty con cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu hợp nhất biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.2 KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Tổng Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

3.4 CÁC GIAO DỊCH BẰNG NGOẠI TỆ

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá thực tế của Ngân hàng Thương mại tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập từ lãi các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập dựa theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết: Là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản vốn góp liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất ban đầu theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá phần vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	03- 40
- Máy móc, thiết bị	03 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Các tài sản khác	08

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất, phần mềm, quyền phát hành và bản quyền bằng sáng chế và tài sản khác. Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Quyền sử dụng đất	20
- Bản quyền, bằng sáng chế	20
- Phần mềm máy tính	02 - 05
- Các tài sản khác	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

3.11 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao. Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản

- Nhà cửa, vật kiến trúc

Thời gian sử dụng (năm)

40

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.12 THUÊ HOẠT ĐỘNG

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP)

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 01 năm.
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng dự án Nhà ở công nhân được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 40 năm từ ngày 01/04/2022.
- Chi phí lợn nái, lợn giống được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng đến 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh.
- Chi phí thuê chuồng, trại nuôi lợn thương phẩm của các cá nhân, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 40 năm.

3.14 NỢ PHẢI TRẢ

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

3.15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Chi phí phải trả của Công ty là các chi phí thực tế đã phát sinh trong năm báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh:

3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả phát sinh được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ kế toán đó. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả ở năm lập báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 VAY VÀ NỢ PHẢI TRẢ THUÊ TÀI CHÍNH.

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

3.18 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay hợp nhất phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

3.19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

3.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01 tháng 01 năm 2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản được phản ánh trong các trường hợp: khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản, khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng Công ty.
- *Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành:* Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

3.21 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì Tổng Công ty ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

3.22 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.23 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.24 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, Tổng Công ty được áp dụng một mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

3.25 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

3.26 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3.27 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

4.1 SỰ KIỆN MẤT QUYỀN KIỂM SOÁT TẠI CÔNG TY CON

Theo Nghị quyết số 1029/2025/NQ-ĐHĐCĐ BT-VLP ngày 25/12/2025 của Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt về việc phê duyệt thay đổi vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của Công ty từ 235.000.000.000 đồng lên 470.000.000.000 đồng, tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh tại Công ty Cổ phần Quốc tế Cảng Lào - Việt đã giảm từ 53% về 26,5%. Theo đó, Công ty Cổ phần Cảng quốc tế Lào - Việt không còn là công ty con của Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt được phân loại là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu (Thuyết minh số 6.2).

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	6.629.065.371	5.489.494.184
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.801.213.937	72.942.652.130
- Các khoản tương đương tiền	-	21.469.873.062
Cộng	23.430.279.308	99.902.019.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****6.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	357.161.531.507	357.161.531.507	169.265.014.331	169.265.014.331
- Tiền gửi có kỳ hạn	357.161.531.507	357.161.531.507	169.265.014.331	169.265.014.331
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	357.161.531.507	357.161.531.507	169.265.014.331	169.265.014.331

Tại 31/12/2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 - 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh hưởng mức lãi suất từ 4,4% - 7,0%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****6.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Giá trị đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Phần chia lãi/lỗ trong công ty liên kết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	139.504.853.059	264.969.352.283	404.474.205.342	8.214.281.603	740.371.136	8.954.652.739
+ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt (*)	131.290.571.456	264.228.981.147	395.519.552.603	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	8.214.281.603	740.371.136	8.954.652.739	8.214.281.603	740.371.136	8.954.652.739
Cộng	139.504.853.059	264.969.352.283	404.474.205.342	8.214.281.603	740.371.136	8.954.652.739

(*) Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.1, khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt được Tổng Công ty trình bày là khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

6.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	247.439.088.500	(2.787.933.018)	(*)	247.439.088.500	(2.677.034.875)	(*)
+ Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	179.659.088.500	(2.523.915.546)	(*)	179.659.088.500	(2.471.217.393)	(*)
+ Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (Mã chứng khoán: GSM)	56.400.000.000	-	172.020.000.000	56.400.000.000	-	93.624.000.000
+ Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng (Mã chứng khoán: POV)	9.000.000.000	-	9.874.684.000	9.000.000.000	-	10.625.000.000
+ Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	1.080.000.000	-	(*)	1.080.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	1.000.000.000	(264.017.472)	(*)	1.000.000.000	(205.817.482)	(*)
+ Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	300.000.000	-	(*)	300.000.000	-	(*)
Cộng	247.439.088.500	(2.787.933.018)	(*)	247.439.088.500	(2.677.034.875)	(*)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn và Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng được xác định theo giá đóng cửa của 02 mã chứng khoán này trên sàn Upcom tại ngày 31/12/2025.

(*) Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CÔNG TY CP

Số 02 đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	119.139.554.765	(34.958.173.271)	146.591.458.041	(32.135.185.420)
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Việt Hải	10.987.728.876	-	11.988.534.826	-
- Công ty TNHH Thương mại vận tải Bình Nguyên	14.648.101.480	-	21.056.197.500	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Nam Phương	8.119.372.300	-	13.682.923.500	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	-	-	1.121.816.307	-
- Công ty Cổ phần Vận tải quốc tế Mekong	-	-	4.183.454.627	-
- Công ty TNHH Khai thác Mỏ Lao KaiYuan	-	-	1.049.689.878	-
- Các khách hàng khác	85.384.352.109	(34.958.173.271)	93.508.841.403	(32.135.185.420)
Cộng	119.139.554.765	(34.958.173.271)	146.591.458.041	(32.135.185.420)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	16.259.606.494	(7.685.343.748)	17.262.863.764	(7.959.244.249)
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tâm	2.532.360.595	(2.532.360.595)	2.532.360.595	(2.532.360.595)
- Xí nghiệp Thạch Đình	1.095.272.051	(1.095.272.051)	1.095.272.051	(1.095.272.051)
- Các đối tượng khác	12.631.973.848	(4.057.711.102)	13.635.231.118	(4.331.611.603)
Cộng	16.259.606.494	(7.685.343.748)	17.262.863.764	(7.959.244.249)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	9.890.846.973	(4.315.006.404)	25.755.341.976	(4.702.138.831)
- Phải thu về lãi tiền gửi, cho vay	169.219.200	-	2.423.733.152	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	1.564.792	-	376	-
- Tạm ứng	4.661.965.458	(3.117.564.792)	6.859.366.050	(3.109.564.792)
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.574.676.911	-	1.876.781.650	-
- Phải thu chiết khấu mua hàng năm 2024 của Deheus	-	-	9.815.219.950	-
- Các khoản phải thu khác	3.483.420.612	(1.197.441.612)	4.780.240.798	(1.592.574.039)
Dài hạn	187.500.000	-	6.131.807.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	187.500.000	-	6.131.807.000	-
Cộng	10.078.346.973	(4.315.006.404)	31.887.148.976	(4.702.138.831)

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CÔNG TY CP

Số 02 đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. NỢ XẤU

	31/12/2025			01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tâm	2.482.983.095	-	(2.482.983.095)	2.482.983.095	-	(2.482.983.095)
- Lương Pha Bang	1.941.568.642	-	(1.941.568.642)	1.941.568.642	-	(1.941.568.642)
- Cửa hàng thực phẩm Mitraco Food	1.236.186.018	-	(1.236.186.018)	1.236.186.018	-	(1.236.186.018)
- Xí nghiệp Thạch Đình	1.095.272.051	-	(1.095.272.051)	1.095.272.051	-	(1.095.272.051)
- BUCKABOO.,LLC	1.068.720.000	-	(1.068.720.000)	1.068.720.000	-	(1.068.720.000)
- Bán quản lý mỏ sắt Thạch Khê	602.329.000	-	(602.329.000)	602.329.000	-	(602.329.000)
- Các đối tượng khác	87.938.210.010	49.406.745.393	(38.531.464.617)	66.311.014.454	29.941.504.760	(36.369.509.694)
Tổng cộng	96.365.268.816	49.406.745.393	(46.958.523.423)	74.738.073.260	29.941.504.760	(44.796.568.500)

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	36.550.388.067	-	43.090.781.249	(45.509.090)
- Công cụ, dụng cụ	2.017.346.871	-	4.383.775.311	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	181.036.757.288	-	162.499.195.327	-
- Thành phẩm	51.538.627.080	-	49.788.909.479	-
- Hàng hóa	1.060.036.947	-	2.612.617.312	-
Cộng	272.203.156.253	-	262.375.278.678	(45.509.090)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	33.688.784.533	22.176.035.504
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.222.509.327	671.894.980
- Chi phí bốc phủ đất	18.981.842.406	19.951.963.682
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	8.209.674.438	-
- Chi phí thuê trại chăn nuôi	1.491.874.887	126.000.003
- Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.782.883.475	1.426.176.839
Dài hạn	72.766.830.603	71.041.097.656
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.751.792.034	2.352.070.445
- Chi phí GPMB dự án Nhà ở công nhân (*)	29.116.220.100	29.165.452.945
- Lợn nái, lợn giống	17.902.550.716	13.576.871.192
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	4.674.441.537	5.438.412.272
- Chi phí mỏ: khoan thăm dò, xác định trữ lượng mỏ, thuê tư vấn mỏ	2.155.845.606	2.809.361.522
- Chi phí thuê chuồng, trại, đất	7.805.104.968	6.934.462.645
- Chi phí đầu tư dự án Nhà ở công nhân (*)	-	1.216.543.859
- Chi phí giải phóng mặt bằng	1.821.485.387	1.869.843.407
- Các chi phí trả trước dài hạn khác	7.539.390.255	7.678.079.369
Cộng	106.455.615.136	93.217.133.160

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng:

- Giá trị ban đầu: 30.324.345.115 VND;
- Thời gian phân bổ trong: 480 tháng;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP;
- Mục đích đầu tư: Kinh doanh cho thuê;
- Địa điểm: Lô đất TT4B, DT3 thuộc Khu kinh tế Vũng Áng, phường Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh;
- Diện tích sử dụng đất: 16 ha;
- Tổng mức đầu tư: 1.182.356.303.000 VND;
- Thời gian bắt đầu thực hiện triển khai dự án: 2013.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2025	982.666.131.248	450.442.725.234	85.793.886.108	9.581.239.724	10.665.059.026	1.539.149.041.340
- Mua trong năm	6.125.472.200	3.909.671.282	4.579.993.134	121.808.182	606.029.283	15.342.974.081
- Đầu tư XDCB hoàn thành	508.306.857.272	-	-	-	-	508.306.857.272
- Giảm do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	(1.032.632.797.519)	(223.095.756.601)	(35.735.637.312)	(4.753.079.745)	(2.003.158.962)	(1.298.220.430.139)
- Thanh lý, nhượng bán	(2.615.553.771)	(2.481.410.000)	(473.997.272)	(31.000.000)	(4.179.549.607)	(9.781.510.650)
31/12/2025	461.850.109.430	228.775.229.915	54.164.244.658	4.918.968.161	5.088.379.740	754.796.931.904
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2025	(563.851.140.706)	(318.331.191.003)	(67.774.304.681)	(7.980.035.075)	(4.522.176.067)	(962.458.847.532)
- Khấu hao trong năm	(59.180.464.724)	(7.590.489.088)	(1.668.892.134)	(11.617.726)	(772.582.803)	(69.224.046.475)
- Giảm do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con	321.096.422.909	118.876.472.636	34.011.211.369	3.509.866.137	1.813.816.284	479.307.789.335
- Thanh lý, nhượng bán	2.590.889.268	2.481.410.000	473.997.272	31.000.000	1.152.535.308	6.729.831.848
31/12/2025	(299.344.293.253)	(204.563.797.455)	(34.957.988.174)	(4.450.786.664)	(2.328.407.278)	(545.645.272.824)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2025	418.814.990.542	132.111.534.231	18.019.581.427	1.601.204.649	6.142.882.959	576.690.193.808
31/12/2025	162.505.816.177	24.211.432.460	19.206.256.484	468.181.497	2.759.972.462	209.151.659.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 số tiền là 34.257.996.674 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 105.882.114.112 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 số tiền là 354.761.984.831 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 430.671.945.576 đồng).

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Bản quyền, bằng sáng chế <u>VND</u>	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	16.283.520.000	1.554.577.357	1.993.908.290	2.995.386.600	22.827.392.247
- Mua trong năm	-	6.439.340.444	857.553.000	-	7.296.893.444
31/12/2025	16.283.520.000	7.993.917.801	2.851.461.290	2.995.386.600	30.124.285.691
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
01/01/2025	(10.380.744.000)	(1.235.132.922)	(1.993.908.290)	(2.995.386.600)	(16.605.171.812)
- Khấu hao trong năm	(814.176.000)	(516.283.870)	(14.292.550)	-	(1.344.752.420)
31/12/2025	(11.194.920.000)	(1.751.416.792)	(2.008.200.840)	(2.995.386.600)	(17.949.924.232)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	5.902.776.000	319.444.435	-	-	6.222.220.435
31/12/2025	5.088.600.000	6.242.501.009	843.260.450	-	12.174.361.459

- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm khoản vay tại ngày 31/12/2025 số tiền là 5.088.600.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 5.902.776.000 đồng).
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 số tiền là 7.268.177.357 đồng (tại ngày 01/01/2025 số tiền là 6.043.872.247 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	85.494.254.799	85.494.254.799
31/12/2025	85.494.254.799	85.494.254.799
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	(16.021.145.190)	(16.021.145.190)
- Khấu hao trong năm	(2.137.356.372)	(2.137.356.372)
31/12/2025	(18.158.501.562)	(18.158.501.562)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	69.473.109.609	69.473.109.609
31/12/2025	67.335.753.237	67.335.753.237

Bất động sản đầu tư là 4 block nhà 5 tầng cho thuê thuộc Dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	8.109.666.923	411.000.849.332
- Bến số 3	-	397.458.233.064
- Cải tạo nhà máy bột Beta	1.422.972.500	8.431.789.115
- Chăn nuôi bò chất lượng cao (*)	1.741.000.000	1.741.000.000
- Dự án mở Bản Tung	1.358.895.481	1.358.895.481
- Các dự án khác	3.586.798.942	2.010.931.672
Cộng	8.109.666.923	411.000.849.332

(*) Chi phí giải phóng mặt bằng khu vực Kỳ Anh một trong các chi phí giải phóng mặt bằng phục vụ Dự án đầu tư phát triển chăn nuôi bò thịt chất lượng cao, chi tiết dự án như sau:

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP.
- Mục đích đầu tư: Sản xuất, kinh doanh bò thịt chất lượng cao. - Địa điểm: trại bò trên địa bàn huyện Cẩm Xuyên và huyện Kỳ Anh (trước sáp nhập), tỉnh Hà Tĩnh.
- Quy mô:
+ Tại Tổng Công ty: 1.500 con bò nái sinh sản, nuôi vỗ béo thường xuyên 2.000 con bò thịt.
+ Nuôi vệ tinh: 5.000 hộ ký hợp đồng sinh sản và 400 mô hình nuôi bò thịt.
- Sản phẩm: bò giống cái, bò thịt và bò thanh lý (10% tổng đàn).
- Tổng mức đầu tư: 230.430.909.000 đồng.

Đến thời điểm 31/12/2025: Dự án đã hoàn thành và đưa vào thực hiện một phần, còn khu vực Kỳ Lâm đang tiếp tục triển khai.

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN VÀ THƯƠNG MẠI HÀ TĨNH - CÔNG TY CP

Số 02 đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	132.846.573.748	132.846.573.748	215.247.787.355	215.247.787.355
- Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Lào Việt	15.071.544.088	15.071.544.088	31.888.243.579	31.888.243.579
- Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	-	-	30.591.058.827	30.591.058.827
- Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Hồng Hà	31.292.328.531	31.292.328.531	41.145.541.403	41.145.541.403
- Chi nhánh Công ty TNHH Deheus tại Vinh Phúc	8.258.184.350	8.258.184.350	19.261.217.550	19.261.217.550
- Công ty TNHH Vận tải Trường Sơn Khăm Muôn	8.993.587.110	8.993.587.110	15.606.286.110	15.606.286.110
- Công ty Cổ phần Đầu tư - Thương mại - Dịch vụ - Kết Phát Thịnh	-	-	2.155.910.000	2.155.910.000
- JIANGSU ZHENGCHANG CEREAL OIL AND FEED MACHINERY	-	-	1.183.967.660	1.183.967.660
- Các nhà cung cấp khác	69.230.929.669	69.230.929.669	73.415.562.226	73.415.562.226
Cộng	132.846.573.748	132.846.573.748	215.247.787.355	215.247.787.355

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	1.233.755.267	2.938.542.170	2.670.051.541	1.502.245.896
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	18.911.255.612	18.911.255.612	-
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	88.080.334	227.275.838	249.678.570	65.677.602
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	15.735.143.616	15.735.143.616	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.240.608.084	2.978.307.089	3.466.948.647	2.751.966.526
- Thuế thu nhập cá nhân	131.466.016	664.010.901	670.291.088	125.185.829
- Thuế tài nguyên	1.849.606.220	9.238.906.170	6.876.151.186	4.212.361.204
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	103.697.616	1.108.928.528	1.144.530.191	68.095.953
- Thuế bảo vệ môi trường	70.752.741	393.962.039	414.805.517	49.909.263
- Các loại thuế khác	-	152.287.557	143.543.047	8.744.510
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	498.755.304	368.572.092	368.572.092	498.755.304
	7.216.721.582	52.717.191.612	50.650.971.107	9.282.942.087

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/PHẢI THU NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp/ khấu trừ trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu				
- Thuế giá trị gia tăng	133.599.126	700	626.098	134.224.524
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.362.421.199	5.744.170	5.744.170	1.362.421.199
- Thuế thu nhập cá nhân	31.206.523	151.135.238	124.678.632	4.749.917
- Thuế bảo vệ môi trường	220.416.709	220.416.709	-	-
- Các loại thuế khác	182.070.392	73.691.140	66.249.459	174.628.711
	1.929.713.949	450.987.957	197.298.359	1.676.024.351

Quyết toán thuế của Tổng Công ty và các Công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	27.006.346.886	28.617.403.775
- Chi phí lãi vay	20.416.839.948	21.605.449.469
- Chi phí sửa chữa, nâng cấp đường nội bộ	-	2.901.053.539
- Chi phí hoàn trả môi trường	128.951.708	1.442.681.248
- Các chi phí phải trả khác	6.460.555.230	2.668.219.519
Cộng	27.006.346.886	28.617.403.775

20. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	38.100.799.350	106.344.401.576
- Kinh phí công đoàn	364.911.078	487.969.458
- Bảo hiểm xã hội	1.886.288.120	43.673.830
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	54.500.000	5.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.638.406.314	11.803.846.000
- Phải trả tiền góp vốn vào Sắt Thạch Khê	15.800.000.000	15.800.000.000
+ Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa Cốc Hà Tĩnh	6.800.000.000	6.800.000.000
+ Công ty TNHH Vạn Lợi	6.000.000.000	6.000.000.000
+ Công ty Cổ phần Gang thép Hà Tĩnh	3.000.000.000	3.000.000.000
- Phải trả Công ty Lào dịch vụ cảng Vũng Áng	-	71.137.946.606
+ Tiền gốc vay phải trả	-	53.000.000.000
+ Tiền lãi vay phải trả	-	18.137.946.606
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	16.356.693.838	7.065.465.682
Dài hạn	-	889.893.354
- Nhận ký quỹ, ký cược	-	889.893.354
Cộng	38.100.799.350	107.234.294.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	124.631.165.664	124.631.165.664	355.075.065.493	379.053.082.088	100.653.149.069	100.653.149.069
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>111.337.682.469</i>	<i>111.337.682.469</i>	<i>348.236.515.513</i>	<i>367.744.885.488</i>	<i>91.829.312.494</i>	<i>91.829.312.494</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (1)	69.035.941.434	69.035.941.434	262.935.482.734	264.720.740.309	67.250.683.859	67.250.683.859
- Ngân hàng LAOVIETBANK - Savanakhet (2)	25.877.741.035	25.877.741.035	64.566.032.779	87.324.145.179	3.119.628.635	3.119.628.635
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Hà Tĩnh	4.200.000.000	4.200.000.000	-	4.200.000.000	-	-
- Vay các cá nhân (4)	12.224.000.000	12.224.000.000	20.735.000.000	11.500.000.000	21.459.000.000	21.459.000.000
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>13.293.483.195</i>	<i>13.293.483.195</i>	<i>6.838.549.980</i>	<i>11.308.196.600</i>	<i>8.823.836.575</i>	<i>8.823.836.575</i>
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh (1)	4.999.837.357	4.999.837.357	-	4.303.757.174	696.080.183	696.080.183
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (3)	6.343.330.175	6.343.330.175	4.800.000.000	4.800.000.000	6.343.330.175	6.343.330.175
- Ngân hàng LAOVIETBANK - Savanakhet (2)	510.315.663	510.315.663	2.038.549.980	764.439.426	1.784.426.217	1.784.426.217
- Vay các cá nhân	1.440.000.000	1.440.000.000	-	1.440.000.000	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	275.152.644.819	275.152.644.819	1.964.989.814	268.435.835.464	8.681.799.169	8.681.799.169
<i>Vay dài hạn</i>	<i>15.716.644.819</i>	<i>15.716.644.819</i>	<i>1.964.989.814</i>	<i>8.999.835.464</i>	<i>8.681.799.169</i>	<i>8.681.799.169</i>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Hà	10.220.000.001	10.220.000.001	-	4.800.000.000	5.420.000.001	5.420.000.001
- Ngân hàng LAOVIETBANK - Savanakhet (2)	2.802.037.818	2.802.037.818	1.964.989.814	1.505.228.464	3.261.799.168	3.261.799.168
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Tĩnh	2.694.607.000	2.694.607.000	-	2.694.607.000	-	-
<i>Trái phiếu thường</i>	<i>259.436.000.000</i>	<i>259.436.000.000</i>	-	<i>259.436.000.000</i>	-	-
- Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	197.836.000.000	197.836.000.000	-	197.836.000.000	-	-
- Công ty TNHH Đại Hiệp	61.600.000.000	61.600.000.000	-	61.600.000.000	-	-
	399.783.810.483	399.783.810.483	357.040.055.307	647.488.917.552	109.334.948.238	109.334.948.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau:

1.1. Hợp đồng tín dụng số 27/25/NH/KHDN giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Chăn nuôi - Mitraco

- Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Theo thông báo của Ngân hàng cho từng thời kỳ;
- Thời hạn vay: 05 tháng; Lãi suất 5,8%/năm;
- Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Số dư tại ngày 31/12/2025: 3.000.000.000 đồng.

1.2. Hợp đồng vay cho vay hạn mức số 15/25/NH/KHDN ngày 14/05/2025 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc:

- Hạn mức tín dụng là: 15.000.000.000 đồng.
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất từng thời kỳ;
- Mục đích sử dụng vốn vay là: mua nguyên liệu sản xuất thức ăn, thuốc thú y.
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức là: 148 ngày kể từ ngày rút vốn đến ngày bên vay trả xong nợ tính cho từng lần rút vốn (theo giấy nhận nợ).
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng Nhà máy thức ăn chăn nuôi, Trung tâm chăn nuôi lợn, xe ô tô, hàng tồn kho, các khoản phải thu,... theo các Hợp đồng đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng.
- Số dư tại ngày 31/12/2025: 14.946.926.686 đồng.

1.3. Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo Hợp đồng vay số 60/25/KHDN/NH ngày 24/12/2025 và Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh

- Lãi suất vay thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ
- Thời hạn vay 12 tháng.
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản tại Trung tâm chăn nuôi tại xã Phú Lộc và xã Thường Nga, huyện Can Lộc (nay là xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh) của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 17TC/2009/KHDN ngày 20/09/2017. Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 17TC/2010/KHDN ngày 20/09/2017. Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho luân chuyển số 287/19/TC/KHDN ngày 06/01/2019.
- Số dư vay đến thời điểm 31/12/2025 là 35.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau: (tiếp)

1.4. Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 09/6010/NHNT giữa Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco

- Hạn mức vay là: 17.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất: Theo thông báo của Ngân hàng cho từng thời kỳ;
- Tài sản đảm bảo là các tài sản được nêu cụ thể trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2009/HĐTC ngày 12/01/2009;
- Mục đích vay: Đầu tư dự án nhà máy gạch ngói Đồng Nai - Hà Tĩnh.
- Số dư vay đến thời điểm 31/12/2025 là 696.080.183 đồng.

(*) Căn cứ theo Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 01/HĐ-MBTS ngày 25/3/2020, Ngân hàng đã thực hiện phát mại toàn bộ tài sản gắn liền trên đất của Nhà máy gạch ngói Đồng Nai - Hà Tĩnh để thu hồi nợ. Tổng số tiền Ngân hàng thu hồi nợ đối với Công ty từ phát mại tài sản là: 18.346.718.947 đồng.

1.5. Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số HM 13/2021 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco ký ngày 20/06/2013 với nội dung chính như sau:

- Hạn mức: 6.000.000.000 đồng.
- Thời hạn cho vay: 9 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 3 tháng.
- Lãi suất: Lãi suất điều chỉnh theo từng lần cho vay.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản thế chấp
- Số dư tại ngày 31/12/2025: 4.303.757.174 đồng.

1.6. Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 25/25/NH/KHDN ký ngày 02/07/2025 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP:

- Hạn mức vay: 55.000.000.000 đồng;
- Lãi suất: Theo mức lãi suất trên từng Giấy nhận nợ;
- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Hình thức bảo đảm: thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 33/25/KHDN ngày 18/06/2025;
- Số dư tại ngày 31/12/2025: 10.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng LAOVIETBANK - Savanakhet theo Hợp đồng sau:

Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng LAOVIETBANK - Savanakhet và Công ty TNHH MTV Việt Lào

- Lãi suất: Theo mức lãi suất trên từng Giấy nhận nợ;
- Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Hình thức bảo đảm: Khoản vay được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản của Công ty;
- Số dư tại ngày 31/12/2025: 8.165.854.020 đồng.

(3) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh theo các Hợp đồng sau:

3.1. Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 03/2015/HĐTDĐT-NHPT giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2020/HĐTDĐT-NHPT và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/2021/HĐTDĐT-NHPT

- Số tiền vay: 41.600.000.000 đồng;
- Lãi suất: 8,55%;
- Thời hạn vay: 96 tháng;
- Mục đích vay: Đầu tư các hạng mục xây dựng, thiết bị của dự án Khu nhà ở thí điểm cho công nhân và người lao động thuê tại Khu kinh tế Vũng Áng theo đúng dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Hình thức bảo đảm: Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án Khu nhà ở thí điểm cho nhân công và người lao động thuê tại khu kinh tế Vũng Áng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2015/HĐTCTS-NHPT ngày 16/12/2015;
- Số dư tại ngày 31/12/2025 là: 10.220.000.000 đồng.

3.2. Hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 01/2009/HĐTDĐT-NHPT giữa Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 02/2016/HĐTDĐT-NHPT

- Số tiền vay: 25.000.000.000 đồng; - Lãi suất: 10,2%/năm;
- Thời hạn vay: 13 năm kể từ ngày bên vay nhận được khoản giải ngân đầu tiên theo Khế ước nhận nợ; Thời hạn trả nợ gốc: 12 năm kể từ tháng 2/2010;
- Mục đích vay: Xây dựng công trình Nhà máy gạch ngói Đồng Nai - Hà Tĩnh công suất 25 triệu viên;
- Hình thức bảo đảm: Quyền sử dụng đất 114.565 m² tại xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh (nay là xã Kỳ Anh), tỉnh Hà Tĩnh và toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư gắn với đất là dây chuyền máy móc, thiết bị, nhà máy và các công trình phụ trợ khác.
- Số dư tại ngày 31/12/2025 là: 1.543.330.175 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(4) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân có kỳ hạn 06 -12 tháng với lãi suất 0% - 9%/năm các khoản vay không có tài sản đảm bảo, ngoại trừ khoản vay cá nhân của Công ty Cổ phần Thiên ý 2 có tài sản đảm bảo là toàn bộ công cụ dụng cụ của khách sạn Thiên Ý mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2024	1.101.135.914.618	4.041.846.423	(40.728.290)	(1.053.097.228)	36.307.869.626	(106.824.944.149)	120.123.334.364	1.153.690.195.364
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	47.886.044.071	40.658.793.735	88.544.837.806
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	2.869.368.819	(8.368.362.597)	(7.514.129.504)	(13.013.123.282)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	2.869.368.819	(2.869.368.819)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.498.993.778)	(1.914.314.504)	(7.413.308.282)
+ Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(5.599.815.000)	(5.599.815.000)
- Điều chỉnh do ảnh hưởng hợp nhất	-	-	-	-	-	(2.030.949.535)	(110.111.805)	(2.141.061.340)
- Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	142.245.054	-	142.245.054
31/12/2024	1.101.135.914.618	4.041.846.423	(40.728.290)	(1.053.097.228)	39.177.238.445	(69.195.967.156)	153.157.886.790	1.227.223.093.602

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2025	1.101.135.914.618	4.041.846.423	(40.728.290)	(1.053.097.228)	39.177.238.445	(69.195.967.156)	153.157.886.790	1.227.223.093.602
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	32.611.414.675	34.682.435.188	67.293.849.863
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	4.302.570.100	(12.229.498.490)	(17.795.310.553)	(25.722.238.943)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	4.302.570.100	(4.302.570.100)	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.926.928.390)	(3.108.785.553)	(11.035.713.943)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(14.686.525.000)	(14.686.525.000)
- Giảm do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con (**)	-	-	-	6.740.571.458	(2.869.368.819)	248.887.321.819	(124.538.916.470)	128.219.607.988
- Điều chỉnh do ảnh hưởng hợp nhất	-	-	-	-	-	827.292.580	-	827.292.580
- Điều chỉnh khác (***)	-	-	-	-	-	(142.245.054)	-	(142.245.054)
31/12/2025	1.101.135.914.618	4.041.846.423	(40.728.290)	5.687.474.230	40.610.439.726	200.758.318.374	45.506.094.955	1.397.699.360.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

(*) Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP và Công ty con phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết 68/NQ-ĐHĐCĐ-MTA ngày 20/06/2025 tại Tổng Công ty và Nghị quyết số 458/NQ-ĐHĐCĐ TN/2025 ngày 23/05/2025 tại Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt.

(**) Như đã nêu tại thuyết minh số 4.1, tại thời điểm 31/12/2025, tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt (Lào - Việt) của Tổng Công ty đã giảm từ 53% xuống 26,5%. Do đó, khoản đầu tư vào Lào - Việt được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo phương pháp vốn chủ sở hữu thay vì hợp nhất như một công ty con như các quý trước. Theo đó, các thay đổi trong phương pháp hợp nhất khoản đầu tư đã dẫn đến các thay đổi số liệu như đã trình bày.

(***) Tổng hợp các điều chỉnh có ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP số 46/TB - KV II ngày 16/09/2025 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực II.

22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh	1.072.153.914.618	1.072.153.914.618
- Các cổ đông khác	28.982.000.000	28.982.000.000
Cộng	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618

22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI, CỐ TỨC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.101.135.914.618	1.101.135.914.618

22.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2025 CP	01/01/2025 CP
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	110.113.591	110.113.591
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	110.113.591	110.113.591
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>110.113.591</i>	<i>110.113.591</i>
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22.5 CÁC QUỸ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	40.610.439.726	39.177.238.445
Cộng	40.610.439.726	39.177.238.445

23. NGUỒN KINH PHÍ

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Nguồn kinh phí	13.366.780.204	13.366.780.204
Cộng	13.366.780.204	13.366.780.204

Dự án Nhà ở cho công nhân thuê Khu kinh tế Vũng Áng (Dự án nhà ở thu nhập thấp), nguồn kinh phí được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Tĩnh hỗ trợ là 57.300.000.000 đồng.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu	1.422.108.967.215	1.463.678.448.009
- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.105.359.691.841	1.158.537.960.170
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	301.668.302.023	290.311.149.643
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.080.973.351	13.146.643.379
- Doanh thu khác	-	1.682.694.817
Cộng	1.422.108.967.215	1.463.678.448.009

25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chiết khấu thương mại	3.708.349.160	2.731.984.799
- Hàng bán bị trả lại	2.024.000	25.855.300
Cộng	3.710.373.160	2.757.840.099

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	965.625.915.100	1.030.211.583.418
- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	215.603.686.805	209.155.312.578
- Giá vốn hoạt động xây dựng	14.085.721.417	12.041.417.830
- Giá vốn hoạt động khác	-	19.065.792
Cộng	1.195.315.323.322	1.251.427.379.618

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.041.354.209	8.132.502.660
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.655.078.840	11.654.966.360
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	101.568.000	1.493.469.057
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	5.525.133.861
Cộng	24.798.001.049	26.806.071.938

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chi phí lãi vay	24.290.958.142	13.726.347.259
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	380.755.588	2.642.489.323
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	3.072.467.291	-
- (Hoàn nhập)/Dự phòng tổn thất đầu tư	110.898.143	260.630.468
- Chi phí tài chính khác	4.653.239.258	-
Cộng	32.508.318.422	16.629.467.050

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	101.041.577.976	91.600.617.185
- Chi phí nhân viên quản lý	32.950.823.180	31.314.696.292
- Chi phí vật liệu quản lý	2.021.093.575	7.178.887.373
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.336.824.658	3.875.407.785
- Thuế, phí và lệ phí	823.301.257	866.195.066
- (Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	3.412.719.961	2.902.987.495
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.927.666.478	19.528.479.081
- Chi phí bằng tiền khác	55.569.148.867	25.933.964.093
Các khoản chi phí bán hàng	35.653.428.951	37.112.840.804
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.673.894.023	4.649.086.651
- Chi phí nhân viên	10.350.654.030	5.303.191.286
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	285.879.204	329.249.425
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.689.730.264	23.212.155.682
- Chi phí bằng tiền khác	3.653.271.430	3.619.157.760
Cộng	136.695.006.927	128.713.457.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

30. CHI PHÍ YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	981.787.628.820	965.732.576.500
- Chi phí nhân công	169.181.554.415	150.556.424.469
- Khấu hao tài sản cố định	68.586.883.114	63.218.954.188
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.288.978.793	235.593.132.092
- Chi phí bằng tiền khác	69.233.778.037	87.092.337.341
Cộng	1.463.078.823.179	1.502.193.424.590

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	230.337.000	874.038.235
- Thu từ bồi thường	-	1.632.668.565
- Thu từ lãi vay được xóa	-	2.822.337.153
- Các khoản khác	1.579.503.999	2.104.348.097
Cộng	1.809.840.999	7.433.392.050

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí đóng cửa mỏ	4.069.665.000	820.808.000
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.072.093.802	-
- Các khoản phạt	71.499.581	153.373.877
- Các khoản chi phí khác	927.191.901	641.157.652
Cộng	7.140.450.284	1.655.239.619

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	-	-
- Chi phí thuế TNDN hiện hành tại các Công ty con	10.343.089.894	9.331.684.119
+ Công ty TNHH MTV Việt Lào	251.625.910	1.142.328.452
+ Công ty TNHH Cảng quốc tế Lào Việt	8.269.501.704	8.189.355.667
+ Công ty Cổ phần Chăn nuôi Mitraco	1.821.962.280	-
	10.343.089.894	9.331.684.119

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Chênh lệch từ thuế TNDN phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(4.289.602.609)	197.701.890
Cộng	(4.289.602.609)	197.701.890

35. LÃI CƠ BẢN/SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	32.611.414.675	48.403.622.356
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	32.611.414.675	48.403.622.356
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.266.112.208)
- Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	32.611.414.675	47.137.510.148
- Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu bình quân đang lưu hành trong năm	110.113.591	110.113.591
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	296	428

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Chi tiêu	Khai thác khoáng sản VND	Nông nghiệp VND	Dịch vụ cảng biển VND	Xây dựng và sản xuất VLXD VND	Các hoạt động khác VND	Tổng bộ phận đã báo cáo VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn Tổng Công ty VND
KẾT QUẢ KINH DOANH								
Doanh thu thuần từ bán hàng và dịch vụ ra bên	28.041.813.630	829.935.219.962	277.260.170.386	244.429.724.191	38.731.665.886	1.418.398.594.055	-	1.418.398.594.055
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	75.885.994.764	-	180.694.989.689	4.950.496.793	261.531.481.246	(166.480.278.049)	95.051.203.197
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.956.542.888	91.614.189.289	99.136.771.139	21.603.268.432	7.123.537.348	223.434.309.097	(351.038.364)	223.083.270.733
TÀI SẢN								
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	-	12.157.170.213	501.741.231.604	3.911.650.890	5.839.778.646	523.649.831.353	-	523.649.831.353
Tài sản bộ phận	272.578.803.301	317.527.689.622	-	183.956.703.309	161.139.622.353	935.202.818.585	(31.065.570.788)	904.137.247.797
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	901.266.300.453	-	901.266.300.453
Tổng tài sản	272.578.803.301	317.527.689.622	-	183.956.703.309	161.139.622.353	1.836.469.119.038	(31.065.570.788)	1.805.403.548.250
NỢ PHẢI TRẢ								
Nợ phải trả của các bộ phận	5.188.059.306	176.849.286.169	-	150.512.996.024	104.050.398.163	436.600.739.662	(176.356.512.868)	260.244.226.794
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	134.093.181.216	-	134.093.181.216
Tổng nợ phải trả	5.188.059.306	176.849.286.169	-	150.512.996.024	104.050.398.163	570.693.920.878	(176.356.512.868)	394.337.408.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mối quan hệ với các bên liên quan

STT	Tên	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Hà Tĩnh	Công ty liên kết
2	Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Lào - Việt	Công ty liên kết từ ngày 26/12/2025
3	Công ty Cổ phần Sắt Thạch Khê	Khoản đầu tư khác
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Khoản đầu tư khác
5	Công ty Cổ phần Xăng dầu dầu khí Vũng Áng	Khoản đầu tư khác
6	Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát Mitraco	Khoản đầu tư khác
7	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	Khoản đầu tư khác
8	Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Lam Hồng	Khoản đầu tư khác

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

		Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc		1.992.990.000	1.711.710.000
- Ông Nguyễn Đình Toàn	Chủ tịch HĐQT (Nghỉ chế độ từ ngày 02/10/2025)	378.000.000	402.336.000
- Ông Lê Viết Thảo	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 17/11/2025)	616.924.000	529.365.000
- Ông Nguyễn Anh Thắng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/11/2025)	496.962.000	380.269.000
- Ông Võ Văn Lưu	Phó Tổng Giám đốc	501.104.000	399.740.000
Ban kiểm soát		526.000.000	366.244.000
- Ông Phùng Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát	300.000.000	229.670.000
- Ông Đào Anh Dũng	Thành viên Ban kiểm soát	190.000.000	136.574.000
- Bà Trần Thị Thanh Vân	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	10.000.000

38. THÔNG TIN KHÁC

38.1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

Địa điểm	Mục đích sử dụng	Thời gian thuê	Diện tích thuê	Số tiền thuê
Khối 09, xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Nhà máy chế biến các sản phẩm từ nhung hươu	Từ năm 2017 đến năm 2054	12.859 m2	Trả tiền thuê đất hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)

Tổng Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

Địa điểm	Mục đích sử dụng	Thời gian thuê	Diện tích thuê	Số tiền thuê
Tổ 12, xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Nhà máy gạch không nung	Từ năm 2015 đến năm 2053	10.221,1 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.
Tổ dân phố 08, xã Nam Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh	Từ năm 2014 đến năm 2064	7.369 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.
Xã Kỳ Khang, tỉnh Hà Tĩnh	Làm văn phòng	Từ năm 2004 đến năm 2054	72.779,32 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.
Khối 09, xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Trường dạy nghề Miền Trung	Từ năm 2013 đến năm 2050	3.321,2 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm
Xóm Tân Phúc, xã Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Làm Kho trung chuyển thạch cao	Từ năm 2012 đến năm 2062	22.856,6 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm
Phường Sông Trí, Tỉnh Hà Tĩnh	Phục vụ Mô Thạch anh sạch	Từ năm 2009 và đang làm thủ tục gia hạn thuê đất	16.510,9 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.
Xã Kỳ Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Xây dựng Trung tâm sản xuất Giống lợn Mitraco	Thời hạn thuê đất đến ngày 08/08/206	175.765 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.
Xã Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Xây dựng văn phòng và khu chăn nuôi	Thời hạn thuê đến ngày 30/08/2054	197.227,4 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm
Xã Trường Lưu, tỉnh Hà Tĩnh	Chăn nuôi lợn	Từ 13/09/2010 đến 07/03/2038	969.001,8 m ²	Trả tiền thuê đất hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Tại thời điểm 31/12/2025, nhiều Công ty con của Tổng Công ty đang có Nợ phải trả ngắn hạn vượt quá Tài sản ngắn hạn, đồng thời khoản lỗ lũy kế chưa phân phối trên Bảng cân đối kế toán vượt quá Vốn chủ sở hữu. Vấn đề này tồn tại các yếu tố không chắc chắn ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của các Công ty con, cụ thể như sau:

Tên Công ty	Nợ phải trả ngắn hạn vượt Tài sản ngắn hạn	Vốn chủ sở hữu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lỗ lũy kế
		(MS410)	(MS411)	(MS421)
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng	Không vượt	2.082.361.292	18.000.000.000	(15.917.638.708)
- Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh	Không vượt	45.732.028.128	60.000.000.000	(22.750.608.176)
- Công ty Cổ phần Thức ăn chăn nuôi Thiên Lộc	Không vượt	15.945.773.262	30.000.000.000	(15.695.176.702)
- Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco	1.018.366.603	(3.248.941.805)	8.000.000.000	(11.354.305.806)
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco	4.975.530.010	(4.485.694.307)	4.500.000.000	(8.997.734.430)
- Công ty Cổ phần Thiên Ý 2	7.156.547.726	3.045.535.450	8.000.000.000	(5.364.793.050)
- Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco	558.023.094	(271.911.996)	11.000.000.000	(11.271.911.996)
- Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco	21.041.855.204	(50.597.552.228)	30.000.000.000	(80.597.552.228)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan	188.422.279	(2.155.208.743)	31.600.000.000	(43.327.614.588)
- Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng	Không vượt	(921.008.395)	1.447.620.000	(2.381.343.395)
- Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco	35.242.599.609	(35.242.599.609)	20.000.000.000	(55.242.599.609)
- Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê	1.106.043.474	(1.106.043.474)	13.500.000.000	(14.606.043.474)

Đối với nhóm 2 công ty, gồm: Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh và Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc, hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2025 có chuyển biến tích cực. Tại ngày 31/12/2025, lỗ lũy kế của Công ty Cổ phần Phát triển Nông lâm Hà Tĩnh giảm còn hơn 17 tỷ đồng (so với hơn 27 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024), và của Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Thiên Lộc giảm còn gần 18 tỷ đồng (so với hơn 23 tỷ đồng tại ngày 31/12/2024). Nguyên nhân chủ yếu đến từ giá bán lợn hơi duy trì ở mức cao so với cùng kỳ năm 2024, trong khi giá nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi có xu hướng giảm, góp phần cải thiện biên lợi nhuận gộp. Các công ty đã tận dụng tốt cơ hội thị trường để gia tăng tiêu thụ sản phẩm thông qua các đối tác thu mua, đồng thời tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về vốn lưu động từ ngân hàng, cổ đông và nhà cung cấp. Các nguồn lực này đã và đang được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, từng bước cải thiện năng lực tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC (TIẾP)

Đối với nhóm 5 Công ty là: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Mitraco, Công ty Cổ phần Thương mại Mitraco, Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp Mitraco, Công ty Cổ phần Thiên Ý 2 và Công ty TNHH Giống và Vật tư Nông nghiệp Mitraco. Ban lãnh đạo các Công ty này đang xây dựng phương án kinh doanh để đảm bảo trong năm 2025 và các năm tiếp theo có lãi để bù đắp các khoản lỗ đã phát sinh từ các năm trước.

Đối với nhóm 5 Công ty là: Công ty TNHH Thực phẩm Chế biến Mitraco, Công ty Cổ phần Khoáng sản Mangan, Công ty Cổ phần Vận tải và Xây dựng, Công ty Cổ phần Gạch ngói Mitraco, Công ty Cổ phần Vật liệu và Phụ gia sắt Thạch Khê. Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP - Công ty mẹ của các Công ty con này đang xây dựng phương án để thực hiện thủ tục thoái vốn tại các Công ty sản xuất, kinh doanh kém hiệu quả theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 68/NQ-ĐHĐCĐ-MTA ngày 20/06/2025.

Theo đó, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty đánh giá rằng, việc sử dụng giả định rằng các Công ty con sẽ tiếp tục hoạt động liên tục để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là phù hợp.

40. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh được điều chỉnh theo Thông báo Kết quả kiểm toán tại Tổng Công ty Khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh - Công ty CP số 46/TB - KV II ngày 16/09/2025 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực II. Cụ thể:

Trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2024 Số đã trình bày VND	01/01/2025 Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Khoản mục Hàng tồn kho	141	262.512.611.934	262.375.278.678	(137.333.256)
Khoản mục Thuế GTGT được khấu trừ	152	11.986.756.184	11.936.997.730	(49.758.454)
Khoản mục Chi phí trả trước dài hạn	261	3.522.319.891	4.631.696.158	1.109.376.267
Khoản mục Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	20.282.736.319	19.879.501.919	(403.234.400)
Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7.142.823.946	7.216.721.582	73.897.636
Khoản mục Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b	46.619.931.863	46.762.176.917	142.245.054

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

41. SỐ LIỆU SO SÁNH (TIẾP)

Trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (năm 2024):

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã trình bày VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.463.311.871.245	1.463.678.448.009	366.576.764
Giá vốn hàng bán	25	1.251.261.147.908	1.251.427.379.618	166.231.710
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	9.273.584.119	9.331.684.119	58.100.000

Hà Tĩnh, ngày 26 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Nguyễn Duy Thành

Kế toán trưởng



Bùi Văn Minh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Anh Thắng